UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4589 /BC-SGDĐT

Lai Châu, ngày 18 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ tại 9 xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Mảng, La Hủ giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Mảng, La Hủ giai đoạn 2026-2030;

Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Bối cảnh trong nước

Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo luôn được Đảng, Nhà nước coi là quốc sách hàng đầu. Trẻ em là mầm non của đất nước, là nguồn lực quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của dân tộc trong tương lai. Trong đó, trẻ em dưới 6 tuổi là giai đoạn nền tảng, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển thể chất, trí tuệ, tình cảm và nhân cách của trẻ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tầm vóc con người Việt Nam.

Công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em và nâng cao sức khỏe được quan tâm, đặt trong chiến lược phát triển con người. Nhà nước chú trọng bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em, tạo điều kiện để trẻ phát triển toàn diện; đồng thời triển khai các chính sách về dinh dưỡng, y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội, đặc biệt đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ em dưới 6 tuổi còn góp phần phòng ngừa bệnh tật, giảm suy dinh dưỡng và tử vong trẻ em, tạo nền tảng cho sự phát triển khỏe mạnh trong tương lai.

Nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc và chất lượng nguồn nhân lực, Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011–2030 (Đề án 641) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 28/4/2011 đã xác định mục tiêu tổng quát: "Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong 20 năm tới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của

người Việt Nam". Đối với công tác dinh dưỡng, Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011–2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định các mục tiêu cải thiện bữa ăn, giảm suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt là suy dinh dưỡng thể thấp còi, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người Việt Nam. Tiếp đó, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 xác định mục tiêu tổng quát: "Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng, miền, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam".

Các chủ trương, đề án, chiến lược và chương trình về chăm sóc sức khỏe học đường, phát triển toàn diện trẻ em, cùng các khuyến nghị sử dụng sữa và sản phẩm từ sữa phù hợp với lứa tuổi cho thấy việc bảo đảm dinh dưỡng cho trẻ em cần được quan tâm, triển khai bằng các giải pháp phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng và điều kiện thực tế của từng địa bàn.

1.2. Bối cảnh của tỉnh Lai Châu

Lai Châu là tỉnh miền núi, địa bàn rộng, địa hình chia cắt, nhiều xã vùng sâu, vùng xa, biên giới. Tỉnh có 38 đơn vị hành chính cấp xã (02 phường, 36 xã); tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 85% dân số toàn tỉnh. Đồng bào dân tộc Mảng, La Hủ là các dân tộc có quy mô dân số rất ít, tập trung tại 9 xã: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa. Năm 2026 toàn tỉnh có 2.118 trẻ em người dân tộc Mảng, La Hủ trong độ tuổi từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi, trong đó: 538 trẻ người dân tộc Mảng, 1.580 trẻ người dân tộc La Hủ.

Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Mảng, La Hủ giai đoạn 2026-2030 đã chỉ rõ "kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mảng, La Hủ có nhiều chuyển biến tích cực, khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, tăng cường". Tuy nhiên, đời sống của đồng bào dân tộc Mảng, La Hủ vẫn còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo năm 2025 còn ở mức cao (68,70%), gấp khoảng 2,5 lần mức bình quân chung của tỉnh. Trình độ, kỹ thuật sản xuất còn nhiều bất cập, chủ yếu dựa vào điều kiện tự nhiên; việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế nên năng suất, sản lượng cây trồng thấp. Một số phong tục, tập quán lạc hậu vẫn tồn tại; tình trạng tảo hôn còn xảy ra; tệ nạn ma túy ảnh hưởng đến an ninh trật tự, làm suy giảm chất lượng cuộc sống và là rào cản đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Mảng, La Hủ.

Nghị quyết số 15-NQ/TU đồng thời xác định quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Mảng, La Hủ là nhiệm vụ chính trị quan trọng, lâu dài của tỉnh; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng đồng bào dân tộc Mảng, La Hủ với các vùng, dân tộc khác trong tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội. Việc phát triển phải đặt mỗi người dân làm trung tâm, phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, vươn lên của đồng bào, đồng thời tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Trung ương và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, bảo đảm nguyên tắc "không để ai bị bỏ lại phía sau". Đồng thời chú trọng các lĩnh vực giáo dục, y tế,

chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, góp phần cải thiện chiều cao, thể lực, trí lực và tầm vóc của trẻ em.

Đây là cơ sở chính trị quan trọng để nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ trên địa bàn tỉnh.

2. Thực trạng vấn đề cần giải quyết

2.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến dinh dưỡng trẻ em

Trẻ em dưới 6 tuổi là giai đoạn vàng đối với sự phát triển thể chất, trí tuệ và miễn dịch. Dinh dưỡng đầy đủ, hợp lý trong những năm đầu đời có tác động lâu dài đến sức khỏe, khả năng học tập và chất lượng cuộc sống của trẻ. Can thiệp dinh dưỡng cho trẻ dưới 6 tuổi không chỉ nhằm cải thiện cân nặng và chiều cao trước mắt mà còn góp phần ngăn ngừa những hậu quả lâu dài của suy dinh dưỡng, bao gồm chậm phát triển thể chất, ảnh hưởng đến phát triển não bộ, giảm khả năng miễn dịch, tăng nguy cơ mắc bệnh và hạn chế khả năng học tập sau này.

Năm 2026, trên địa bàn 9 xã có tổng 2.559 trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ trong tổng số 5.991 trẻ em toàn xã, chiếm tỷ lệ 42,7%. Riêng trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi là 2.118 trẻ (tỷ lệ 35,3%). Đối với trẻ em người dân tộc Mảng, La Hủ, việc can thiệp nhằm bảo đảm dinh dưỡng cho trẻ em chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi như: Điều kiện kinh tế của nhiều hộ gia đình còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao; địa bàn cư trú chủ yếu ở vùng núi cao, điều kiện đi lại giao thông khó khăn, việc tiếp cận các dịch vụ và sản phẩm dinh dưỡng, khả năng bảo đảm khẩu phần ăn đa dạng, đầy đủ chất dinh dưỡng của đa số các hộ gia đình còn hạn chế; sự hiểu biết và kiến thức thực hành về dinh dưỡng, chăm sóc trẻ nhỏ của một bộ phận người dân còn khó khăn. Hiện tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng nhẹ cân chiếm từ 10,6 đến 12,1%; thể thấp còi chiếm từ 18,9 đến 21,2%. Những yếu tố này có thể làm gia tăng nguy cơ thấp còi, nhẹ cân, gầy còm, thiếu máu và thiếu các vi chất.

2.2. Yêu cầu đặt ra từ mục tiêu của tỉnh

Nghị quyết số 15-NQ/TU xác định mục tiêu đến năm 2030 giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 17%. Để thực hiện mục tiêu này, ngoài các chương trình, chính sách chung, cần nghiên cứu giải pháp phù hợp với đặc điểm của vùng đồng bào Mảng, La Hủ, nhất là đối với trẻ em trong giai đoạn đầu đời; nhằm tiếp tục tạo thêm chính sách trực tiếp giúp trẻ em thuộc nhóm dân tộc có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn được tiếp cận nguồn dinh dưỡng phù hợp; đồng thời tạo điều kiện để gia đình duy trì việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ thường xuyên trong suốt giai đoạn 2026-2030.

2.3. Khoảng trống chính sách và sự cần thiết ban hành chính sách mới

Hiện Trung ương và địa phương đã ban hành và triển khai nhiều chính sách hỗ trợ cho trẻ em, trong đó trẻ em dân tộc rất ít người đều được thụ hưởng, gồm:

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ tại các Nghị định, Nghị quyết: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Nghị định số 66/2026/NĐ-CP; Nghị định số 277/2026/NĐ-CP; Nghị quyết 11/2020/HĐND tỉnh, theo đó mức ăn trưa được hỗ trợ từ 160.000 đồng/1 tháng đến 360.000 đồng/1 tháng.

- Chính sách hỗ trợ dân tộc rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 03/9/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với

trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, theo đó mỗi trẻ em mẫu giáo người dân tộc Mảng, La Hủ được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 30% mức lương cơ sở/1 tháng.

Các chương trình, chính sách hiện hành có ý nghĩa quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục và giảm nghèo cho nhiều nhóm đối tượng. Tuy nhiên đến nay Trung ương và địa phương chưa có các chính sách riêng để hỗ trợ sữa cho trẻ em

Việc tham mưu ban hành chính sách riêng để hỗ trợ sữa cho trẻ em cần được nghiên cứu xây dựng và đề nghị ban hành tại tỉnh Lai Châu. Do đó việc xây dựng Nghị quyết cần được tiếp cận theo hướng chính sách đặc thù của địa phương, xác định rõ đối tượng, phạm vi, mức hỗ trợ, thời gian và phương thức thực hiện; việc ban hành Nghị quyết có ý nghĩa tạo cơ sở pháp lý ổn định để tỉnh tổ chức thực hiện thống nhất trong giai đoạn 2026-2030, thay vì triển khai bằng các giải pháp ngắn hạn, phân tán hoặc phụ thuộc vào từng chương trình, dự án.

3. Vấn đề chính sách cần giải quyết

Từ thực trạng nêu trên, vấn đề chính sách đặt ra là cần có một cơ chế hỗ trợ dinh dưỡng trực tiếp, thường xuyên, có trọng tâm đối với trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ - nhóm trẻ sinh sống tại địa bàn còn nhiều khó khăn - nhằm tăng khả năng tiếp cận sản phẩm dinh dưỡng phù hợp, giảm một phần chi phí chăm sóc trẻ cho gia đình và góp phần thực hiện mục tiêu giảm suy dinh dưỡng, nâng cao thể trạng trẻ em theo Nghị quyết số 15-NQ/TU.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục tiêu tổng quát

Cụ thể hóa chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Nghị quyết số 15-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mảng, La Hủ; tạo cơ sở pháp lý để thực hiện chính sách hỗ trợ dinh dưỡng có tính đặc thù cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ; góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm suy dinh dưỡng, nâng cao thể trạng, chiều cao, thể lực và sức khỏe trẻ em, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào Mảng, La Hủ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Ban hành chính sách của tỉnh về hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ.

- Bảo đảm trẻ em thuộc đối tượng được tiếp cận nguồn sữa phù hợp, an toàn, có chất lượng; góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 giảm tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 17% tại vùng đồng bào Mảng, La Hủ.

- Giảm một phần chi phí mua sữa và thực phẩm bổ sung dinh dưỡng cho các hộ gia đình có trẻ em thuộc đối tượng, nhất là các hộ nghèo, cận nghèo và hộ có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Tăng cường nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ về dinh dưỡng hợp lý, vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

III. CÁC PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Phương án 1: Không ban hành chính sách mới

Tiếp tục thực hiện các chương trình, chính sách hiện hành của Trung ương, địa phương và vận động nguồn lực xã hội để hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ em.

- Ưu điểm: Không làm phát sinh chính sách ngân sách mới, không phải xây dựng cơ chế thực hiện riêng.

- Hạn chế: Chưa giải quyết trực tiếp khoảng trống hỗ trợ sữa thường xuyên cho trẻ em người dân tộc Mảng, La Hủ; mức độ tiếp cận phụ thuộc vào từng chương trình, dự án và nguồn lực xã hội; khó bảo đảm tính ổn định, liên tục trong cả giai đoạn. Phương án này khó tạo công cụ chính sách cụ thể để thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 15-NQ/TU.

2. Phương án 2: Hỗ trợ sữa cho trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ

Hỗ trợ theo mức kinh phí được HĐND tỉnh quy định, bảo đảm trẻ em thuộc đối tượng được tiếp cận sữa phù hợp với độ tuổi, an toàn, có nguồn gốc, chất lượng rõ ràng; việc triển khai gắn với quản lý đối tượng, chăm sóc sức khỏe và tuyên truyền kiến thức dinh dưỡng.

- Ưu điểm:

Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ tạo ra sự hỗ trợ trực tiếp đối với trẻ em, nhóm đối tượng đặc biệt cần được ưu tiên trong giai đoạn phát triển đầu đời. Đồng thời góp phần bổ sung năng lượng, protein, vitamin và khoáng chất trong khẩu phần ăn của trẻ; qua đó hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng đối với những trẻ có nguy cơ thiếu hụt dinh dưỡng.

Đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo, chính sách hỗ trợ giúp giảm chi phí chăm sóc trẻ, tạo điều kiện để gia đình dành nguồn lực cho các nhu cầu thiết yếu khác. Chính sách có tác động quan trọng trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em góp phần nâng cao sức khỏe, khả năng học tập, thể lực và chất lượng nguồn nhân lực trong những giai đoạn kế tiếp. Đảm bảo phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 15-NQ/TU về tăng cường theo dõi, quản lý sức khỏe trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, cải thiện chiều cao, thể lực, trí lực và tầm vóc của trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ.

- Hạn chế:

Làm phát sinh nhu cầu kinh phí từ ngân sách địa phương, phát sinh yêu cầu về quản lý đối tượng, lập danh sách, mua sắm, cung ứng, vận chuyển, bảo quản, cấp phát và kiểm tra chất lượng sữa.

Trẻ em sinh sống tại địa bàn vùng cao, giao thông khó khăn có thể làm tăng chi phí vận chuyển, bảo quản và tổ chức thực hiện. Nếu chính sách chưa phù hợp có thể xảy ra trùng lặp với một số chương trình hỗ trợ dinh dưỡng khác. Nếu chỉ hỗ trợ sữa mà không kết hợp tuyên truyền, tư vấn dinh dưỡng và theo dõi tăng trưởng thì hiệu quả cải thiện tình trạng dinh dưỡng có thể không đạt như kỳ vọng.

IV. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

1. Phạm vi, đối tượng thụ hưởng

Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ Y tế tại các văn bản: Thông tư 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 nêu rõ: Bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và không nuôi trẻ dưới 6 tháng bằng thức ăn, nước uống ngoài sữa mẹ, trừ khi có chỉ định y tế; Quyết định 318/QĐ-BYT ngày 30/01/2026 tiếp tục khẳng định: Trẻ cần được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu, sau đó bắt đầu ăn bổ sung khi tròn 6 tháng tại mục 3 của Quyết định 318.

Do đó Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi là người dân tộc Mảng, La Hủ, cư trú trên địa bàn 9 xã: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa.

2. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn: Từ tháng 01/2027 đến hết tháng 12/2030. Việc lựa chọn thời điểm năm 2027 nhằm bảo đảm có đủ thời gian rà soát, cập nhật chính xác số lượng, độ tuổi và tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ thuộc đối tượng thụ hưởng; qua đó xác định sát nhu cầu thực tế, hạn chế cấp phát dàn trải và bảo đảm nguồn kinh phí được tập trung trực tiếp cho trẻ em thuộc nhóm cần hỗ trợ trong 4 năm thực hiện chính sách.

- Hàng năm: 9 tháng/năm

**** Căn cứ đề xuất:***

- Đối với trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, thời gian hỗ trợ 9 tháng/năm phù hợp với thời gian tổ chức năm học, bảo đảm việc cung cấp sữa gắn với quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại cơ sở giáo dục.

- Đối với trẻ em chưa ra lớp, thời gian hỗ trợ 9 tháng/năm được xác định trên cơ sở khả năng cân đối nguồn lực ngân sách.

Trong thời gian không được hỗ trợ, bao gồm thời gian nghỉ hè đối với trẻ đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tăng cường vai trò trách nhiệm của gia đình trong việc chủ động cân đối điều kiện kinh tế để tiếp tục bổ sung dinh dưỡng, bảo đảm phù hợp với nhu cầu và độ tuổi của trẻ.

3. Mức hỗ trợ: 190.000 đồng/trẻ/tháng

**** Căn cứ đề xuất:***

Theo khuyến nghị sử dụng sữa và các chế phẩm từ sữa cho người Việt Nam của Viện Dinh dưỡng Quốc gia - Bộ Y tế ban hành tháng 02 năm 2016, đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi mỗi ngày nên sử 01 miếng phô mai (15g), 01 hộp sữa chua (100g) và 02 ly sữa (100ml/1 ly sữa = 200ml/1 ngày).

Trong 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý đến năm 2020 (Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 17/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế), lời khuyên số 9 nêu rõ: "Trẻ sau 6 tháng và người trưởng thành nên sử dụng sữa và các sản phẩm của sữa phù hợp với từng lứa tuổi". Đây là một trong những khuyến nghị về dinh dưỡng nhằm khuyến khích sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa phù hợp với từng độ tuổi, góp phần bổ sung các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể, hỗ trợ phát triển thể chất ở trẻ em.

Căn cứ khuyến nghị về cơ sở khoa học của cơ quan chức năng, điều kiện thực tế của địa phương, khả năng cân đối về kinh phí của tỉnh. Sở Giáo dục và

Đào tạo đề xuất mức hỗ trợ 01 hộp sữa tươi dạng lỏng 180ml/trẻ/ngày được lựa chọn trên cơ sở tiệm cận mức 200ml sữa theo khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng, đồng thời phù hợp với quy cách sản phẩm sữa đóng hộp phổ biến trên thị trường, thuận tiện trong tổ chức cấp phát và sử dụng.

Để chính sách gắn với thời gian trẻ thực tế đến cơ sở giáo dục mầm non theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đề xuất thực hiện hỗ trợ 22 ngày/tháng, trong 9 tháng/năm học. Theo đó, mỗi trẻ được hỗ trợ 01 hộp sữa 180ml/ngày, tương đương 22 hộp/tháng và 198 hộp trong 9 tháng/năm học. Về mức kinh phí, qua khảo sát, tham khảo giá một số sản phẩm sữa dạng lỏng phù hợp với trẻ em, quy cách khoảng 180ml/hộp trên thị trường tại thời điểm xây dựng chính sách, đồng thời tính đến biến động giá trong thời gian thực hiện chính sách, mức hỗ trợ được đề xuất là 190.000 đồng/trẻ/tháng.

Mức hỗ trợ 190.000 đồng/trẻ/tháng được xác định trên cơ sở định lượng 01 hộp sữa 180ml/trẻ/ngày, 22 ngày/tháng và mặt bằng giá sữa tham khảo tại thời điểm xây dựng chính sách, có tính đến khả năng biến động giá trong giai đoạn. Đây là mức hỗ trợ kinh phí để thực hiện chính sách, không phải là giá cố định của một sản phẩm hoặc một nhà cung cấp cụ thể.

Căn cứ kết quả rà soát, điều tra số lượng trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ thuộc đối tượng thụ hưởng tại 9 xã trên địa bàn tỉnh, trong giai đoạn 2027-2030 dự kiến có 7.590 lượt trẻ được hưởng chính sách hỗ trợ sữa. Trên cơ sở mức hỗ trợ 190.000 đồng/trẻ/tháng, thực hiện trong 9 tháng/năm học, tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách trong giai đoạn 2027-2030 là:

190.000 đồng × 7.590 lượt trẻ × 9 tháng = 12.978.900.000 đồng

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)

Kinh phí nêu trên là kinh phí dự kiến thực hiện chính sách trong cả giai đoạn, được xác định trên cơ sở số lượng trẻ dự kiến thuộc đối tượng thụ hưởng và mức hỗ trợ đề xuất. Kinh phí thực hiện từng năm được lập, phân bổ và giao dự toán căn cứ số trẻ thực tế thuộc đối tượng thụ hưởng, thời gian thực hiện chính sách, giá mua sữa và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, giá sản phẩm sữa có thể biến động. Mức hỗ trợ 190.000 đồng/trẻ/tháng là mức được xác định để làm căn cứ xây dựng chính sách và dự toán; việc mua sắm sản phẩm sữa hằng năm thực hiện theo quy định, căn cứ giá thị trường và kết quả lựa chọn nhà cung cấp, bảo đảm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công khai, tiết kiệm và hiệu quả.

4. Kinh phí và phương thức hỗ trợ

1) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sữa được bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật và được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện chính sách. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức mua sữa, tiếp nhận, bảo quản và cấp phát sữa cho trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng theo đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chất lượng và thời gian hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan.

2) Căn cứ danh sách trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng được xác định theo quy định tại Nghị quyết này, việc cấp phát sữa được thực hiện như sau:

a) Đối với trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng chưa đi học tại cơ sở giáo dục mầm non, sữa được cấp phát cho cha, mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng, người giám hộ của trẻ thông qua cơ sở y tế trên địa bàn hoặc đầu mối được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công thực hiện; việc cấp phát phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng định mức và phù hợp với độ tuổi của trẻ;

b) Đối với trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, sữa được cấp phát tại cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ đang học để tổ chức sử dụng cho trẻ theo quy định.

c) Trường hợp trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng thay đổi nơi cư trú, chuyển cơ sở giáo dục hoặc có thay đổi khác làm ảnh hưởng đến việc thụ hưởng chính sách, việc cấp phát sữa được thực hiện theo tình trạng thực tế của trẻ tại thời điểm cấp phát, bảo đảm không cấp trùng và không bỏ sót đối tượng.

3) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập, quản lý và cập nhật danh sách trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng; tổ chức cấp phát, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện chính sách; bảo đảm việc mua sắm, tiếp nhận, bảo quản, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

4) Việc hỗ trợ được thực hiện bằng sữa theo định mức quy định tại Nghị quyết này; không thực hiện chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng hình thức khác thay thế sữa.

5. Nguyên tắc thực hiện

Đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không phân biệt trẻ em trai và trẻ em gái. Không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ dinh dưỡng khác.

Bảo đảm sản phẩm có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, phù hợp với độ tuổi, chất lượng và an toàn thực phẩm. Gắn hỗ trợ sữa với tuyên truyền, tư vấn dinh dưỡng và theo dõi tình trạng tăng trưởng, dinh dưỡng của trẻ.

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT

1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về trẻ em, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng trẻ em; không làm thay đổi, hạn chế quyền và nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan theo quy định của pháp luật.

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết để cụ thể hóa chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Nghị quyết số 15-NQ/TU về nghiên cứu chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi. Chính sách được xây dựng bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách hỗ trợ trẻ em, dinh dưỡng và giảm nghèo đang được hưởng từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các chương trình, dự án khác.

2. Tác động về kinh tế

Việc ban hành chính sách làm phát sinh nhu cầu kinh phí từ ngân sách địa phương. Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ sữa dự kiến giai đoạn là 12.978.900.000

đồng, thực hiện trong 9 tháng/năm học. Mức kinh phí hỗ trợ bình quân là 190.000 đồng/trẻ/tháng, được xác định trên cơ sở tổng kinh phí dự kiến tại Kế hoạch số 4089/KH-UBND, số lượt trẻ thuộc đối tượng thụ hưởng và thời gian hỗ trợ. Kinh phí thực hiện bao gồm chi phí mua sữa và chi phí vận chuyển, giao nhận sữa đến cơ sở giáo dục, phù hợp với điều kiện địa bàn vùng sâu, vùng xa, giao thông khó khăn. Số lượng sữa thực tế cấp phát phụ thuộc vào giá mua và chi phí vận chuyển, giao nhận được xác định trong quá trình tổ chức mua sắm. Mức kinh phí được cập nhật theo số lượng đối tượng thực tế hằng năm và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong quá trình lập, phân bổ dự toán ngân sách. Trường hợp số lượng trẻ biến động, kinh phí thực hiện được điều chỉnh tương ứng theo số đối tượng thực tế và thời gian được hưởng chính sách.

- Số trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi dân tộc Mảng, La Hủ thuộc 9 xã năm 2026 như sau:

TT	Xã	Tổng số	Chia ra	
			Trẻ em DT Mảng	Trẻ em DT La Hủ
1	Xã Pa Ủ	618	0	618
2	Xã Mường Tè	100	0	100
3	Xã Thu Lũm	35	1	34
4	Xã Hua Bum	187	166	21
5	Xã Bum Tở	426	4	422
6	Xã Nậm Hàng	57	57	0
7	Xã Lê Lợi	133	133	0
8	Xã Pa Tần	158	158	0
9	Xã Bum Nưa	404	21	383
Tổng số		**2.118**	**540**	**1.578**

- Thống kê số lượt trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi dân tộc Mảng, La Hủ thuộc 9 xã, giai đoạn 2027 - 2030:

Năm	Số lượt trẻ hỗ trợ sữa	Mức hỗ trợ/tháng	Thời gian hỗ trợ	Kinh phí dự kiến
2027	2.017	190.000 đồng	9 tháng	3.449.070.000 đồng
2028	1.930	190.000 đồng	9 tháng	3.300.300.000 đồng
2029	1.844	190.000 đồng	9 tháng	3.153.240.000 đồng
2030	1.799	190.000 đồng	9 tháng	3.076.290.000 đồng
Cộng	**7.590**	**-**	**36 tháng**	**12.978.900.000 đồng**

3. Đối với hộ gia đình

Chính sách tạo lợi ích kinh tế trực tiếp cho các hộ có trẻ thuộc đối tượng thông qua Nghị quyết giảm một phần chi phí mua sữa cho trẻ. Chính sách có ý nghĩa lớn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ có điều kiện kinh tế khó khăn, góp phần giảm gánh nặng chi tiêu cho chăm sóc trẻ em.

4. Tác động về xã hội

Chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ góp phần bổ sung dinh dưỡng, cải thiện sức khỏe, hỗ trợ phát triển thể chất của trẻ; đồng thời, giảm bớt một phần chi phí cho gia đình, nhất là các hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đối với trẻ đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, việc tổ chức cho trẻ uống sữa trong các ngày đến trường góp phần tăng cường dinh dưỡng, bổ sung cho chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng hiện có tại nhà trường. Đối với trẻ chưa đến trường, chính sách góp phần hỗ trợ gia đình bổ sung dinh dưỡng cho trẻ tại nhà.

Việc xác định rõ đối tượng, mức hỗ trợ và phương thức tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm nguồn lực ngân sách được sử dụng đúng mục đích, tập trung hỗ trợ trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ theo mục tiêu của chính sách. Đồng thời, việc phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ trong tổ chức cho trẻ sử dụng sữa, kết hợp với việc quan tâm đến tâm lý, cảm xúc của trẻ, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch, tạo môi trường giáo dục bình đẳng, thân thiện, hạn chế phát sinh tâm lý so sánh hoặc mặc cảm giữa trẻ em thuộc các dân tộc khác nhau trong cùng cơ sở giáo dục.

5. Tác động đối với trẻ em

Việc được hỗ trợ sữa góp phần bổ sung dinh dưỡng trong khẩu phần ăn hằng ngày, nhất là đối với trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ thuộc các hộ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn. Chính sách giúp trẻ tăng khả năng tiếp cận với sản phẩm dinh dưỡng phù hợp với độ tuổi, được bổ sung năng lượng và một số chất dinh dưỡng cần thiết, góp phần cải thiện sức khỏe và giảm bớt khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của gia đình.

Đối với trẻ đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, việc được uống sữa trong các ngày đến trường góp phần bổ sung dinh dưỡng cho trẻ, hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng, tăng trưởng chiều cao, cân nặng, nâng cao sức khỏe và tạo điều kiện để trẻ tích cực tham gia các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi và học tập tại trường.

Đối với trẻ chưa đến trường, đặc biệt là trẻ từ đủ 6 tháng tuổi đến dưới 01 tuổi chủ yếu được gia đình chăm sóc tại nhà, việc được hỗ trợ sữa góp phần bổ sung dinh dưỡng trong giai đoạn đầu đời, hỗ trợ quá trình tăng trưởng và phát triển thể chất, đồng thời giúp gia đình giảm bớt một phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

Thông qua việc hỗ trợ sữa cho cả trẻ đang đi học và trẻ chưa đến trường, chính sách góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận dinh dưỡng, hướng tới cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm nguy cơ suy dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe và bảo đảm quyền được chăm sóc, phát triển của trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ thuộc đối tượng thụ hưởng.

6. Tác động về bình đẳng giới

Chính sách không tạo ra sự phân biệt bất lợi giữa trẻ em trai và trẻ em gái. Việc hỗ trợ trực tiếp cho trẻ em góp phần giảm một phần gánh nặng kinh tế và

thời gian chăm sóc trẻ của hộ gia đình, qua đó tạo tác động tích cực đối với phụ nữ, những người thường đảm nhận phần lớn công việc chăm sóc trẻ trong gia đình. Quá trình triển khai chính sách cần bảo đảm trẻ em trai và trẻ em gái thuộc cùng nhóm đối tượng được hưởng mức hỗ trợ như nhau.

7. Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với người dân; việc xác định, lập danh sách đối tượng được thực hiện trên cơ sở dữ liệu quản lý hiện có.

Phương án 2 đảm bảo phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 15-NQ/TU và có khả năng tạo tác động rõ nhất đối với vấn đề chính sách cần giải quyết. Đồng thời, do đây là chính sách được xây dựng lần đầu tại tỉnh Lai Châu, việc lựa chọn phương án cần ưu tiên cơ chế có đối tượng, mức hỗ trợ và cách thức thực hiện rõ ràng, có thể đo lường kết quả và điều chỉnh trên cơ sở đánh giá thực tế.

8. Tác động hạn chế, rủi ro và giải pháp kiểm soát

Rủi ro/tác động hạn chế	Giải pháp kiểm soát
Phát sinh nhu cầu ngân sách địa phương	Xác định đúng đối tượng, dự toán theo số trẻ thực tế; rà soát, thẩm định mức hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.
Địa bàn rộng, giao thông khó khăn, ảnh hưởng vận chuyển và bảo quản	Xây dựng phương án cung ứng phù hợp theo từng địa bàn; quy định rõ yêu cầu về vận chuyển, bảo quản và thời gian cung ứng.
Nguy cơ trùng lặp với chính sách, chương trình khác	Rà soát danh sách đối tượng và các chính sách đang hưởng; quy định nguyên tắc không hỗ trợ trùng cùng một nội dung.
Sử dụng sản phẩm không phù hợp với độ tuổi hoặc nhu cầu của trẻ	Tăng cường hướng dẫn cha mẹ, người chăm sóc trẻ; phối hợp tư vấn dinh dưỡng và theo dõi tăng trưởng.
Hiệu quả dinh dưỡng không đạt kỳ vọng nếu chỉ tập trung vào sữa	Lồng ghép hỗ trợ với truyền thông dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, theo dõi cân nặng, chiều cao và tình trạng dinh dưỡng.

VI. TÍNH KHẢ THI CỦA CHÍNH SÁCH

1. Về cơ sở chính trị

Chính sách có cơ sở chính trị rõ ràng từ Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phù hợp với yêu cầu cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mảng, La Hủ và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Về nguồn lực và tổ chức thực hiện

Đối tượng thụ hưởng là nhóm dân số có quy mô tương đối nhỏ, sinh sống tập trung tại 9 xã trên địa bàn tỉnh. Vì vậy việc xác định đối tượng và dự toán nhu cầu kinh phí có thể thực hiện được. Chính sách có thể được tổ chức thực hiện

thông qua Ủy ban nhân dân các xã, các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở y tế và trên địa bàn xã.

Nghị quyết số 15-NQ/TU đã xác định việc tăng cường theo dõi, quản lý sức khỏe trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng và phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng đối với trẻ em vùng đồng bào Mảng, La Hủ.

3. Về tổ chức thực hiện

Do chính sách được xây dựng lần đầu, trong năm đầu thực hiện cần chú trọng hướng dẫn thống nhất quy trình, biểu mẫu, phương thức xác định đối tượng và cơ chế phối hợp; sau đó đánh giá, hoàn thiện trong quá trình triển khai trên cơ sở thực tiễn.

VII. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Để bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị quyết đúng mục tiêu, đối tượng, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế, cần thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên và định kỳ, cụ thể như sau:

1. Tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND 9 xã gồm: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần và Bum Nưa chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hằng năm; tổ chức rà soát, xác định đúng đối tượng thụ hưởng, bảo đảm việc mua sắm, cấp phát sữa đúng quy định, công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Giám sát việc thực hiện

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh thực hiện giám sát việc triển khai Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã trong quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng việc xác định đối tượng, quản lý và sử dụng kinh phí, chất lượng sữa, công tác cấp phát và việc sử dụng sữa đúng mục đích.

3. Đánh giá kết quả thực hiện

Định kỳ hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện chính sách trên cơ sở các nội dung: Số lượng trẻ được hỗ trợ, tỷ lệ trẻ thuộc đối tượng thụ hưởng được tiếp cận chính sách, tình hình cấp phát và sử dụng sữa, kết quả giải ngân kinh phí, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm chính sách được triển khai đúng mục tiêu và đạt hiệu quả.

VIII. Ý KIẾN THAM VẤN

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 3574/SGDĐT-GDMN-TH ngày 20/8/2026 đề nghị UBND các xã Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum,

Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa báo cáo các nội dung có liên quan theo Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã và thông tin thu thập được, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, phân tích thực trạng, xác định đối tượng, quy mô thụ hưởng và xây dựng phương án chính sách. Các số liệu về số trẻ, tình trạng dinh dưỡng, mức độ hưởng các chính sách khác và nhu cầu kinh phí tiếp tục được cập nhật, rà soát trong quá trình hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.

Để tăng tính thuyết phục và bảo đảm cơ sở thực tiễn, hồ sơ chính thức cần kèm theo phụ lục số liệu chi tiết theo từng xã, trong đó thể hiện rõ số trẻ người dân tộc Mảng, La Hủ dưới 6 tuổi; số trẻ nghèo, cận nghèo; tình trạng dinh dưỡng; các chính sách hiện đang hưởng; số trẻ dự kiến được hỗ trợ và nhu cầu kinh phí.

IX. PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1. Danh sách 9 xã thuộc phạm vi thực hiện chính sách;

Phụ lục 2. Thông tin chung về số lượng trẻ em người dân tộc Mảng, La Hủ từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi dự kiến từ năm 2027 đến năm 2030;

Phụ lục 3. Số lượng trẻ em người dân tộc Mảng, La Hủ từng xã dự kiến từ năm 2027 đến năm 2030;

Phụ lục 4. Quy mô mạng lưới trường, lớp;

Phụ lục 5. Thực trạng sử dụng sữa trong các trường mầm non;

Phụ lục 6. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ;

Phụ lục 7. Các văn bản, tài liệu làm căn cứ xây dựng chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ tại 9 xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm; Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa;
- Các phòng CMNV Sở;
- Lưu: VT, GDMN-TH.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH LAI CHÂU

Mạc Quang Dũng